

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94 /2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình,
cai nghiện ma túy tại cộng đồng**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng (sau đây gọi tắt là cai nghiện tại gia đình, cộng đồng) và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

2. Nghị định này được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, người nghiện ma túy và gia đình người nghiện ma túy.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cộng đồng là một đơn vị dân cư được xác định theo phạm vi đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

2. Xác định nghiện ma túy là các hoạt động chuyên môn về y tế do cơ quan y tế có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Cai nghiện ma túy là việc áp dụng các hoạt động điều trị, tư vấn, học tập, lao động, rèn luyện nhằm giúp cho người nghiện ma túy phục hồi về sức khoẻ, nhận thức, tâm lý và hành vi, nhân cách để trở về tình trạng bình thường.

4. Quy trình cai nghiện ma túy là tổng hợp các phương pháp, biện pháp được thực hiện theo một trình tự, thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và áp dụng thống nhất trong các hình thức cai nghiện ma túy nhằm cắt cơn nghiện, phục hồi sức khoẻ, hành vi, nhân cách, khả năng học tập, lao động để nâng cao năng lực tái hòa nhập cộng đồng và phòng, chống tái nghiện cho người nghiện ma túy.

Điều 3. Độ tuổi, thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng

1. Hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng áp dụng đối với người nghiện ma túy từ đủ mười hai tuổi trở lên.

2. Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng từ sáu tháng đến mười hai tháng, tính từ ngày ký quyết định cai nghiện tại gia đình, quyết định cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng

1. Nhà nước khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện; tổ chức, hỗ trợ cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm tham gia, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

Điều 5. Tổ công tác cai nghiện ma túy

1. Tổ công tác cai nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, giải thể; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể về thành lập, giải thể, xây dựng quy chế làm việc của Tổ công tác.

3. Thành phần Tổ công tác gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ trưởng. Các thành viên gồm: cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, công an, cán bộ y tế cấp xã; đại diện khu dân cư (tổ dân phố, trưởng

thôn, xóm, ấp, bản), đại diện Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận; người có chuyên môn về y tế, về cai nghiện ma túy, người tự nguyện tham gia công tác cai nghiện.

Căn cứ vào số lượng người nghiện ma túy, tình hình thực tiễn của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng thành viên Tổ công tác và chỉ định Thường trực Tổ công tác theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tổ trưởng Tổ công tác chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của tổ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Tổ trưởng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan mà họ là thành viên để phân công công việc cho phù hợp.

5. Thành viên Tổ công tác được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí khi tham gia công tác quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện ma túy.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể về mức chi hỗ trợ kinh phí cho cán bộ Tổ công tác khi tham gia công tác quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện ma túy.

6. Nhiệm vụ của Tổ công tác:

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tiếp nhận khai báo và đăng ký cai nghiện; xây dựng kế hoạch cai nghiện; lập hồ sơ, tổ chức các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

b) Phối hợp với Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú xem xét, đánh giá về tình trạng nghiện, hoàn cảnh gia đình, nhân thân của người nghiện ma túy để lập kế hoạch cai nghiện tại gia đình và cộng đồng cho phù hợp.

c) Hướng dẫn người nghiện ma túy và gia đình hoặc người giám hộ thực hiện kế hoạch cai nghiện; hàng tháng nhận xét, đánh giá việc thực hiện và lưu hồ sơ của người cai nghiện.

d) Hướng dẫn gia đình có người nghiện ma túy hoặc người giám hộ theo dõi, quản lý, chăm sóc, giúp đỡ người cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội để thay đổi hành vi, nhân cách và nâng cao năng lực tái hoà nhập cộng đồng.

đ) Tư vấn giúp đỡ người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện; tổ chức các hoạt động phục hồi chức năng, sức khoẻ, khả năng học tập và lao động sản xuất.

Điều 6. Nghiêm cấm các hành vi sau

1. Không khai báo về tình trạng nghiện ma túy của bản thân.
2. Không đăng ký hình thức cai nghiện khi đã nghiện ma túy.
3. Chống lại hoặc cản trở việc thực hiện các quy định về cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.
4. Xâm phạm thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.
5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện các hoạt động cai nghiện ma túy trái pháp luật.

Điều 7. Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng

1. Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách địa phương;
- b) Ngân sách trung ương bố trí thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy;
- c) Đóng góp của cá nhân, gia đình người cai nghiện ma túy;
- d) Huy động từ nguồn ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ các nội dung chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng như sau:

- a) Đối với hình thức tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình:
 - Hỗ trợ một lần tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật;
 - Lập, xét duyệt hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện.
- b) Đối với hình thức cai nghiện ma túy tại cộng đồng:
 - Hỗ trợ một lần tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật;

- Chi đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho cơ sở điều trị cắt con;

- Chi hoạt động thường xuyên của cơ sở điều trị cắt con;

- Chi lập, xét duyệt hồ sơ cai nghiện.

c) Chi hỗ trợ kinh phí cho cán bộ Tổ công tác khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, THỦ TỤC TỰ NGUYỆN CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH, TỰ NGUYỆN CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CỘNG ĐỒNG VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC TẠI CỘNG ĐỒNG

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, THỦ TỤC TỰ NGUYỆN CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH

Điều 8. Đối tượng tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình

Đối tượng cai nghiện tại gia đình là người nghiện ma túy đang cư trú tại cộng đồng tự giác khai báo và tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình.

Điều 9. Đăng ký tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình

1. Người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên có trách nhiệm đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Tổ công tác giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Nội dung đơn phải bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình;

b) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;

c) Kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện ma túy.

Điều 10. Xem xét áp dụng cai nghiện ma túy tại gia đình

1. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình.

2. Quyết định quản lý tự nguyện cai nghiện tại gia đình phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình được giao quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

3. Quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình được gửi cho cá nhân và gia đình người cai nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác và Tổ trưởng Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú.

Điều 11. Tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình

Người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy phối hợp với Tổ công tác xây dựng kế hoạch cai nghiện cá nhân và thực hiện các hoạt động cai nghiện cho người tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình theo quy định tại Chương III Nghị định này.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, THỦ TỤC TỰ NGUYỆN CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 12. Đối tượng tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng

1. Đối tượng tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng là người nghiện ma túy đang cư trú tại cộng đồng tự nguyện đăng ký cai nghiện nhưng không có điều kiện điều trị cắt cơn tại gia đình.

2. Người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên có trách nhiệm tự giác khai báo và đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng

1. Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng gồm:

a) Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Đơn phải bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

b) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy.

2. Tổ công tác cai nghiện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng.

Điều 14. Xem xét quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng

1. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, lập danh sách đối tượng tự nguyện cai nghiện và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng.

3. Quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình được giao quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

Điều 15. Tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Tổ công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động cai nghiện cho người tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định tại Chương III Nghị định này.

**Mục 3
ĐỐI TƯỢNG, THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC TẠI CỘNG ĐỒNG**

Điều 16. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng là người nghiện ma túy cư trú tại cộng đồng nhưng không tự giác khai báo và không tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình hoặc cộng đồng.

2. Không áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng đối với các trường hợp sau:

a) Người nghiện ma túy đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

b) Người nghiện ma túy thuộc diện bị đưa vào cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

c) Người nghiện ma túy đang bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Điều 17. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

1. Trưởng Công an xã hoặc tương đương chủ trì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Tổ công tác.

2. Hồ sơ gồm:

a) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;

b) Biên bản hoặc các tài liệu xác nhận tình trạng nghiện ma túy;

c) Văn bản của Trưởng Công an xã hoặc tương đương đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Điều 18. Trách nhiệm, thời hạn thẩm tra hồ sơ

1. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng của Trưởng Công an xã hoặc tương đương, Tổ công tác có trách nhiệm chuẩn bị tổ chức phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ.

2. Phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải có ít nhất các thành viên sau tham dự: cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an, cán bộ Y tế, đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã và trưởng thôn (hoặc tổ trưởng Tổ dân phố) nơi người nghiện cư trú.

3. Tổ công tác xem xét và biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết với số ý kiến bằng nhau thì phải ghi rõ vào biên bản phiên họp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định. Biên bản phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ của Tổ công tác phải ghi rõ ý kiến phát biểu của các thành viên tham dự.

4. Tổ trưởng Tổ công tác làm văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Biên bản phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ.

Điều 19. Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

1. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

2. Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao quản lý, giúp đỡ; quyền khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Người phải chấp hành quyết định nếu không tự giác chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành. Quyết định cai nghiện tại cộng đồng được gửi cho cá nhân và gia đình, người giám hộ của người cai nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác và Tổ trưởng Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú để quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

Điều 20. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

1. Các trường hợp được hoãn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng:

a) Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện từ tuyến huyện trở lên;

b) Phụ nữ đang có thai có chứng nhận của bệnh viện từ tuyến huyện trở lên hoặc phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quyết định của cơ sở y tế về thời gian điều trị, thời gian nuôi con nhỏ để quyết định thời hạn hoãn chấp hành quyết định. Khi hết thời hạn hoãn chấp hành ghi trong quyết định của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú thì các đối tượng trên phải tiếp tục thi hành quyết định. Trường hợp không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Các trường hợp được miễn thi hành quyết định:

a) Đang mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên;

b) Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó tự nguyện cai nghiện, không còn sử dụng ma túy có Giấy xác nhận đã hoàn thành thời gian tự nguyện cai nghiện.

3. Thủ tục hoãn, miễn thi hành quyết định:

a) Người phải chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải làm đơn đề nghị hoãn, miễn (kèm theo các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hoãn, miễn, tự nguyện cai nghiện) gửi Tổ trưởng Tổ công tác;

b) Trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tổ trưởng Tổ công tác xem xét, thẩm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ trưởng Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định.

Điều 21. Tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Tổ công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động cai nghiện cho người bị bắt buộc cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định tại Chương III Nghị định này.

Chương III

TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Điều 22. Khám sức khỏe, phân loại người nghiện ma túy

1. Cơ sở y tế cấp xã, bác sĩ điều trị cắt cơn (đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình) có trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe ban đầu, làm hồ sơ bệnh án (theo Mẫu do Bộ Y tế ban hành) cho người cai nghiện ma túy; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn.

2. Căn cứ vào bệnh án, các kết quả xét nghiệm, cán bộ điều trị phân loại người cai nghiện theo loại ma túy sử dụng, tình trạng sức khỏe để xây dựng kế hoạch điều trị, cai nghiện phù hợp với từng người.

Điều 23. Điều trị cắt cơn, giải độc

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại địa phương để tổ chức điều trị cắt cơn nghiện ma túy tại cộng đồng.

Đối với những xã có số đối tượng nghiện ít, không cần thiết hoặc không có điều kiện thành lập Cơ sở điều trị cắt cơn riêng biệt, thì liên kết với các xã khác hoặc kết hợp với Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, các cơ sở khác được phép điều trị cắt cơn trong khu vực để tổ chức điều trị cắt cơn cho người nghiện ma túy.

Trường hợp không có cơ sở vật chất để tổ chức Cơ sở điều trị cắt cơn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xây dựng Cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma túy phù hợp với nhu cầu, khả năng của địa phương.

2. Cơ sở điều trị cắt cơn phải thực hiện các biện pháp phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Việc điều trị cắt cơn, giải độc cho người nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng phải do y, bác sĩ được đào tạo, tập huấn về điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy và được Sở Y tế cấp tỉnh cấp chứng chỉ; áp dụng đúng bài thuốc, phác đồ điều trị cắt cơn cai nghiện ma túy do Bộ Y tế ban hành.

4. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, tiêu chuẩn của cơ sở điều trị cắt cơn; hướng dẫn thực hiện công tác phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trong cơ sở điều trị cắt cơn.

Điều 24. Quản lý, giám sát người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng

1. Người nghiện ma túy sau khi hoàn thành giai đoạn điều trị cắt cơn được lập sổ theo dõi diễn biến hành vi, tâm lý và đưa trở về quản lý tại gia đình.

2. Tổ công tác phân công cán bộ hỗ trợ giúp đỡ người nghiện ma túy trong việc thực hiện kế hoạch cai nghiện; phối hợp với gia đình, các tổ chức đoàn thể nơi người nghiện ma túy cư trú để quản lý, giám sát và hỗ trợ người cai nghiện.

3. Cán bộ Tổ công tác được phân công hỗ trợ phải có kế hoạch, biện pháp quản lý, giáo dục, tư vấn người cai nghiện trong suốt thời gian cai nghiện, bảo đảm cho người cai nghiện thực hiện đúng và đủ quy trình cai nghiện; hàng tháng báo cáo với Tổ trưởng Tổ công tác về việc thực hiện kế hoạch cai nghiện của người cai nghiện.

Điều 25. Giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách

1. Trong thời gian cai nghiện, Tổ công tác có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện liệu pháp tâm lý tập thể, liệu pháp tâm lý nhóm; tổ chức học tập về pháp luật, đạo đức, tác phong, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm, tự tin nhằm phục hồi toàn diện về nhân cách, sức khỏe, tâm lý cho người cai nghiện;

b) Tổ chức hoạt động tư vấn, giúp đỡ người nghiện ma túy sửa đổi hành vi, nhân cách; từng bước từ bỏ ma túy; phòng, chống tái nghiện; giúp họ định hướng đúng trong tương lai;

c) Tổ chức cho người cai nghiện tham gia các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp họ hiểu được giá trị của lao động; tổ chức các hoạt động thể thao, giải trí.

2. Hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách và lao động trị liệu phải được thực hiện xen kẽ trong suốt thời gian cai nghiện.

Điều 26. Dạy nghề, tạo việc làm cho người cai nghiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở dạy nghề của địa phương để tổ chức truyền nghề, dạy nghề và tạo việc làm cho người cai nghiện.

2. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn cấp xã theo điều kiện, khả năng của doanh nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận người cai nghiện ma túy để tổ chức truyền nghề, dạy nghề và tạo việc làm cho người cai nghiện.

Điều 27. Đánh giá kết quả cai nghiện tại gia đình, cộng đồng

1. Trong thời gian cai nghiện theo quyết định, Tổ công tác tổ chức xét nghiệm chất ma túy đột xuất hoặc định kỳ; phối hợp với Tổ trưởng Tổ dân cư và gia đình, người giám hộ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện.

Căn cứ vào kết quả xét nghiệm, quá trình theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp "Giấy Chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng".

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an hướng dẫn đánh giá kết quả cai nghiện và cấp Giấy Chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Điều 28. Trách nhiệm của người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy

1. Người nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi mình cư trú;

b) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về chuyên môn, kế hoạch cai nghiện cá nhân;

c) Hàng tháng phải báo cáo với người được phân công trực tiếp giúp đỡ về tình hình điều trị, cai nghiện, kết quả và sự tiến bộ của mình;

d) Phải có mặt khi Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu; nếu vắng mặt mà không có lý do chính đáng, thì Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập đến trụ sở Ủy ban nhân dân yêu cầu làm kiểm điểm về hành vi vi phạm đó;

đ) Đóng góp chi phí cai nghiện theo quy định.

2. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Chăm sóc, quản lý, theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện ma túy sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

b) Phối hợp với Tổ công tác, cán bộ Tổ công tác được phân công giúp đỡ người cai nghiện trong việc hỗ trợ, giúp đỡ người nghiện ma túy thực hiện kế hoạch cai nghiện, xoá bỏ mặc cảm, quyết tâm cai nghiện, tái hoà nhập cộng đồng.

Điều 29. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

1. Đối với người tự nguyện cai nghiện ma túy: hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

2. Đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc: hỗ trợ tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy, tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

Điều 30. Những quy định về đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

1. Trong thời gian cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng, khi tình trạng sức khỏe đã phục hồi, người cai nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, trừ trường hợp đang trong giai đoạn cắt cơn, giải độc. Mỗi lần vắng mặt không được quá ba mươi ngày, số thời gian vắng mặt không được vượt quá một phần hai tổng số thời gian cai nghiện theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và phải tuân theo quy định sau đây:

a) Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú đến hai mươi ngày, thì phải báo cáo Trưởng Công an cấp xã;

b) Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ trên hai mươi ngày thì phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian và nơi đến kèm theo ý kiến của Tổ trưởng Tổ công tác và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đồng ý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú phải gửi văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ đến lưu trú để phối hợp theo dõi, quản lý và hỗ trợ người cai nghiện;

c) Người cai nghiện có trách nhiệm báo cáo Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đến lưu trú biết. Khi hết thời hạn lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thời hạn lưu trú và việc chấp hành pháp luật tại nơi đến lưu trú.

2. Thời gian người cai nghiện vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành quyết định, nếu người đó không vi phạm pháp luật tại địa phương nơi đến lưu trú; nếu có vi phạm hoặc vắng mặt mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

3. Trong trường hợp vì các lý do chính đáng như thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng khác mà tạm trú ở địa phương khác, thì người cai nghiện phải làm đơn đề nghị có ý kiến của Tổ trưởng Tổ công tác gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú xem xét, giải quyết:

a) Trường hợp người cai nghiện thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm văn bản đề nghị và gửi toàn bộ hồ sơ của người cai nghiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó sẽ đến cư trú để tiếp tục quản lý, giáo dục;

b) Trường hợp người cai nghiện đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng mà tạm trú ở địa phương khác, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó lưu trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để tiếp tục quản lý, giúp đỡ họ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Điều 31. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm

1. Thực hiện quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.
2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.
3. Định kỳ kiểm tra, thanh tra, báo cáo, thống kê việc triển khai thực hiện công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng theo chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy.
4. Ban hành thống nhất mẫu kế hoạch cai nghiện cá nhân, đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện, sơ yếu lý lịch, quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình, quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng, quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 32. Bộ Y tế có trách nhiệm

1. Hướng dẫn, chỉ đạo y tế cấp xã xét nghiệm tìm chất ma túy, lập hồ sơ, bệnh án người nghiện ma túy, xác định người nghiện ma túy; chế độ điều trị, cắt cơn cho người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.
2. Chỉ đạo cơ quan y tế cấp huyện tổ chức tập huấn, hỗ trợ cán bộ, chuyên môn kỹ thuật cho việc tổ chức điều trị cắt cơn, cấp cứu cho người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Điều 33. Bộ Công an có trách nhiệm

1. Hướng dẫn, chỉ đạo Công an xã, phường, thị trấn phối hợp với cán bộ Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thu thập tài liệu, thẩm tra, lập hồ sơ người nghiện ma túy để tổ chức cai nghiện; bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình thực hiện các hoạt động cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính trong việc thanh tra, kiểm tra, thống kê các hoạt động cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

Điều 34. Bộ Tài chính có trách nhiệm

Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; chế độ đóng góp và miễn giảm, hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn nghiện ma túy đối với những người thuộc hộ nghèo, người chưa thành niên, gia đình chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm

1. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức điều tra, thống kê, phân loại người nghiện ma túy, xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng của địa phương; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch cai nghiện tại gia đình, cộng đồng của địa phương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phân công trách nhiệm cụ thể trong việc tổ chức các hoạt động cai nghiện; theo dõi, động viên giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện cho những người đã cai nghiện tìm kiếm việc làm, tái hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

4. Kiểm tra, thanh tra công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy.

Điều 36. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

1. Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng của địa phương; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch tổ chức cai nghiện; căn cứ vào tình hình, số lượng người nghiện ma túy tại địa phương để chỉ đạo việc điều trị cắt cơn tại các cụm xã có số lượng người nghiện ít; tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

3. Kiểm tra, thanh tra công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy.

Điều 37. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

1. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2. Chỉ đạo Tổ công tác thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, quản lý, giáo dục người tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; thành lập các câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội khác nhằm giúp người cai nghiện ma túy phục hồi sức khoẻ, nhân cách và hoà nhập cộng đồng.

3. Tạo điều kiện cho người đã cai nghiện được học nghề, tìm việc làm, vay vốn, sản xuất, kinh doanh và tiếp cận với các dịch vụ y tế, xã hội, phòng, chống tái nghiện ma túy; huy động các tổ chức, cá nhân giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng.

4. Kiểm tra, thanh tra công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Nghị định này thay thế Nghị định số 56/2002/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2002 của Chính phủ về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Y tế và Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). *290*

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng